

Số: 09 /BC-ĐĐBQH

Bắc Kạn, ngày 15 tháng 3 năm 2023

## BÁO CÁO

### **Kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Thực hiện Nghị quyết số 23/2022/QH15 ngày 04/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2023 và Kế hoạch số 355/KH-ĐGS ngày 28/10/2022 của Đoàn giám sát về giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021*”, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn đã chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch số 07/KH-ĐĐBQH ngày 17/02/2023 về giám sát “*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*”. Đoàn giám sát đã làm việc trực tiếp với Sở Công thương, Công ty Điện lực Bắc Kạn và giám sát qua báo cáo đối với các cơ quan, đơn vị liên quan<sup>1</sup>.

Thực hiện Kế hoạch giám sát, các đơn vị đã xây dựng báo cáo theo đề cương yêu cầu, bố trí đúng thành phần làm việc với Đoàn giám sát. Tuy nhiên, có nội dung báo cáo chưa cụ thể, chưa có số liệu minh chứng cho các nội dung đánh giá, cần được bổ sung.

Trên cơ sở làm việc trực tiếp và nghiên cứu báo cáo của các đơn vị thuộc đối tượng giám sát, cùng với kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh<sup>2</sup>, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn báo cáo kết quả giám sát như sau:

### **I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Giai đoạn 2016-2021, hệ thống pháp luật về lĩnh vực năng lượng được Quốc hội, Chính phủ và Bộ, ngành trung ương ban hành đã cụ thể hóa chủ trương

---

<sup>1</sup> Gồm: Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường.

<sup>2</sup> Báo cáo số 79/BC-ĐĐBQH ngày 21/11/2022 kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn (Báo cáo số 79/BC-ĐĐBQH ngày 21/11/2022).

của Đảng, Nhà nước về phát triển năng lượng quốc gia, tạo hành lang pháp lý để quản lý và phát triển năng lượng quốc gia.

Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, các chương trình, kế hoạch, quy hoạch về phát triển năng lượng trên địa bàn cơ bản đồng bộ, kịp thời và thống nhất. Qua theo dõi và giám sát cho thấy, tỉnh Bắc Kạn không có văn bản ban hành sai về thẩm quyền, thủ tục, nội dung liên quan đến phát triển năng lượng.

*(Chi tiết tại phụ lục I)*

## **II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **1. Tình hình đầu tư phát triển, cung cầu và an ninh năng lượng**

#### *a) Về khả năng cung cấp năng lượng và nhập khẩu năng lượng*

Bắc Kạn là tỉnh miền núi, nằm sâu trong nội địa, không có hoạt động xuất - nhập khẩu năng lượng, không có trữ lượng than, dầu, khí. Nguồn năng lượng được sử dụng chủ yếu là điện lưới quốc gia, thủy điện nhỏ và xăng, dầu, khí hóa lỏng (LPG), trong đó thủy điện nhỏ là nguồn năng lượng có tiềm năng được khai thác, sản xuất và cung cấp tại địa phương với tổng công suất được phê duyệt quy hoạch là 90MW<sup>3</sup>. Ngoài ra, tỉnh có tiềm năng về năng lượng tái tạo như: Điện gió với công suất khoảng 1.420MW, điện sinh khối với công suất khoảng 80MW; điện mặt trời với công suất khoảng 100MW. Bên cạnh đó, hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 24 hộ dân lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà sử dụng ở gia đình và có hòa lưới điện quốc gia cấp điện áp 0,4kV với tổng công suất lắp đặt 230,12kWp, sản lượng năm 2022 đạt 122.945kWh.

Qua báo cáo đánh giá của các cơ quan, đơn vị địa phương cho thấy, nguồn năng lượng đang được sử dụng trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân trong giai đoạn 2016-2021, cụ thể: Đã cấp điện lưới quốc gia đến 100% xã, phường thị trấn thuộc 08/08 huyện, thành phố; nguồn năng lượng thủy điện nhỏ đã cung cấp được khoảng 25% sản lượng điện tiêu thụ trên địa bàn; mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) có lượng hàng dự trữ, cung ứng phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong 01 tháng (*khoảng 420 tấn gas các loại*); có 79 cửa hàng bán lẻ xăng, dầu được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh với tổng dung tích bể chứa khoảng 3.531m<sup>3</sup>. Trong kỳ báo cáo, tỉnh đã triển khai việc phát triển năng lượng theo Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 27/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 và Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo

---

<sup>3</sup> Trong đó có: 05 dự án đã vận hành phát điện với tổng công suất 21,6MW, 09 dự án được cấp chủ trương đầu tư với tổng công suất là 48,3MW và 04 dự án chưa được cấp chủ trương đầu tư với tổng công suất 20,1MW.

giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu gắn với phân công trách nhiệm cho các sở, ngành, địa phương tại Kế hoạch số 771/KH-UBND ngày 24/12/2020.

Giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục đầu tư phát triển, cải tạo nâng cấp hệ thống điện trung áp và hạ áp theo quy hoạch được duyệt đối với điện lưới quốc gia; triển khai thực hiện 13 dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn và đang đề nghị Bộ Công thương xem xét phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đối với nguồn năng lượng tái tạo<sup>4</sup>, góp phần đảm bảo nguồn năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân và có thể cung cấp thêm cho hệ thống lưới điện quốc gia.

*b) Về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả*

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018-2020, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2030<sup>5</sup>, trong đó đưa ra các chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng cụ thể và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện, báo cáo định kỳ (6 tháng và hằng năm). Đồng thời tuyên truyền, vận động doanh nghiệp chuyển đổi thiết bị, công nghệ sử dụng năng lượng sạch và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả bằng nhiều hình thức như phát tờ rơi, tổ chức tập huấn... Với hệ thống điện được đầu tư xây dựng đồng bộ và đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, tổn thất điện năng trong quá trình truyền tải và phân phối giảm cơ bản được giảm dần qua các năm, tuy nhiên

---

<sup>4</sup> UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành các văn bản gửi Bộ Công thương gồm: Công văn số 2315/UBND-GTCNXD ngày 19/4/2022 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch điện VIII; Công văn số 2952/UBND-GTCNXD ngày 16/5/2022 về việc đề nghị bổ sung thêm các dự án nguồn và lưới điện vào quy hoạch điện VIII.

<sup>5</sup> - Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về phê duyệt Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 21/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2030 với các chỉ tiêu tiết kiệm năng lượng cụ thể:

+ Đến năm 2025, tiết kiệm năng lượng tối thiểu 3,0-5,0% tổng mức tiêu thụ năng lượng so với dự báo nhu cầu năng lượng; giảm mức tổn thất điện năng xuống còn 6,5% (năm 2018 là 6,83%); tiết kiệm tối thiểu 2,0% tổng sản lượng điện thương phẩm so với dự báo tăng trưởng...

+ Đến năm 2030: Đạt mức tiết kiệm từ 5 - 7% tổng tiêu thụ năng lượng trong giai đoạn từ 2020 đến năm 2030; giảm mức tổn thất điện năng xuống thấp hơn 6,0%; giảm 5% lượng tiêu thụ xăng, dầu trong giao thông vận tải so với dự báo nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu của ngành đến năm 2030...

chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch Tổng Công ty Điện lực miền Bắc giao Công ty Điện lực Bắc Kạn thực hiện (*trừ năm 2019 vượt chỉ tiêu kế hoạch giao*)<sup>6</sup>.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, tiêu hao năng lượng được tính áp dụng theo các quy định do Chính phủ, Bộ, ngành ban hành, chưa xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí riêng. Theo quy định tại Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tỉnh có 05 đơn vị sản xuất (*khai thác và chế biến khoáng sản*) đủ điều kiện để lập danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm<sup>7</sup>, không có nhà máy sử dụng năng lượng trọng điểm như sắt, thép, xi măng, thực phẩm, lĩnh vực giao thông vận tải.

### *c) Về xử lý các dự án năng lượng chậm tiến độ, gặp khó khăn, vướng mắc*

Trong kỳ báo cáo, trên địa bàn tỉnh có 02 dự án thủy điện nhỏ có tiến độ triển khai chậm do vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng, gồm: Dự án thủy điện Thác Giềng 2 do Công ty cổ phần Sông Đà Bắc Kạn là chủ đầu tư và Dự án thủy điện Khuổi Nộc do Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 1 là chủ đầu tư. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*nơi có dự án*) phối hợp với chủ đầu tư dự án tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ thực hiện<sup>8</sup>, đồng thời có văn bản chấp thuận kéo dài tiến độ đầu tư xây dựng các dự án năng lượng chậm tiến độ tại Công văn số 4688/UBND-GTCNXD ngày 20/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn (*Chi tiết tại phụ lục V*).

## **2. Nội dung phát triển năng lượng trong quy hoạch tỉnh**

Qua giám sát cho thấy, các dự án phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh (*gồm: quy hoạch thủy điện và quy hoạch điện lực*) và phát triển lưới điện giai đoạn 2016 - 2021 cơ bản bám sát quy hoạch và quy hoạch điều chỉnh được duyệt, phù hợp với các quy hoạch liên quan và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương gắn với việc bảo vệ môi trường<sup>9</sup>; hiệu quả đầu tư của các dự án thủy điện tương đối tốt, với 05/18 dự án thủy điện nhỏ trong quy hoạch được

<sup>6</sup> Cụ thể: năm 2016 là 7,13%/7,20%; năm 2017 là 7,92%/8,00%; năm 2018 là 6,83%/7,50%; năm 2019 là 5,85%/4,94%; năm 2020 là 5,74%/5,82%; năm 2021 là 5,83%/5,90%.

<sup>7</sup> Năm 2021 có 01 cơ sở: Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn; năm 2022 có 04 cơ sở, gồm: Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên VIMICO; Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn; Chi nhánh Matexim Bắc Kạn; Công ty TNHH Ngọc Linh.

<sup>8</sup> Thông báo số 152/TB-UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn tại cuộc họp nghe báo cáo, đôn đốc tình hình thực hiện các dự án đầu tư thủy điện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

<sup>9</sup> Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Bắc Kạn đã được Bộ Công Thương thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 17/11/2010; Quy hoạch điện lực tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến năm 2035, Hợp phần I - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 1772/QĐ-BCT ngày 18/5/2017; Hợp phần II - Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 18/12/2017.

phê duyệt đã vận hành phát điện ổn định, góp phần bổ sung nguồn điện năng cho lưới điện quốc gia, tạo công ăn việc làm cho người dân, tăng thu ngân sách cho địa phương, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Việc thu hồi, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án thủy điện tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện đảm bảo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật về đất đai. Trong kỳ báo cáo, tổng diện tích đã thu hồi để thực hiện các dự án năng lượng khoảng 1.908.818,0m<sup>2</sup> (đất lúa 62.929,3m<sup>2</sup>, đất khác 1.845.888,7m<sup>2</sup>), trong đó diện tích đất cho thủy điện là 1.866.173m<sup>2</sup> (diện tích đất sông suối và đất hoang hóa cạnh sông suối khoảng 732.025,5m<sup>2</sup>, chiếm khoảng 39,2%; diện tích đất nông nghiệp khoảng 56.408,3m<sup>2</sup>, chiếm khoảng 3%; còn lại đất khác). Các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh có quy mô công suất nhỏ, không có hộ dân phải di chuyển, tái định cư, người dân chủ yếu bị ảnh hưởng do mất đất sản xuất, đã được bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Nguồn lực để phát triển hạ tầng lưới điện trên địa bàn tỉnh chủ yếu do ngành điện đầu tư; các doanh nghiệp đầu tư các dự án thủy điện nhỏ, các cơ sở hạ tầng cung cấp xăng dầu, khí hóa lỏng.

### **3. Về chuyển dịch năng lượng và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu**

Việc chuyển dịch từ nguồn năng lượng truyền thống sang năng lượng sạch, tái tạo trên địa bàn chủ yếu ở các phân ngành điện, xăng dầu và giao thông, cụ thể: ngành năng lượng điện đã và đang thực hiện đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, hiện đang đề xuất bổ sung quy hoạch năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện sinh khối) để đầu tư xây dựng; phân ngành năng lượng xăng dầu có xu hướng sử dụng xăng sinh học ngày càng tăng; về phân ngành giao thông, người dân đã quan tâm, ưu tiên sử dụng các phương tiện xe máy điện, xe đạp điện, ô tô điện.

Công tác bảo vệ môi trường của các dự án, nhà máy liên quan đến sản xuất năng lượng theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận được thực hiện nghiêm túc. Các dự án đã thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định, trong đó có 03/05 dự án thủy điện đang hoạt động trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, 02/05 dự án đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường phê duyệt (*Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt 01 dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 01 dự án*).

Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng đã tăng cường công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quy hoạch thủy điện đối với các dự án đã và đang triển khai, trong đó chú trọng việc chấp hành các giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn đập của các hồ chứa, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư. Chủ đầu tư các dự án thủy điện đã quan tâm thực hiện quy định về trồng rừng thay thế thông qua hình thức chủ đầu tư tự thực hiện trồng

rừng thay thế hoặc nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường.

Trong giai đoạn 2016 - 2021, toàn tỉnh có tổng diện tích trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng để làm thủy điện đã thực hiện được là 42,24ha/43,84ha diện tích phải trồng rừng thay thế (đạt 96,4%)<sup>10</sup>; số tiền đã thu được để trồng rừng thay thế là 496.554.057 đồng/1.091.099.222 đồng số tiền phải thu (đạt 46%)<sup>11</sup>. Các chủ dự án nhà máy thủy điện đã cơ bản thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong khu vực dự án theo quy định, không có hành vi vi phạm về chặt phá rừng trong quá trình đầu tư, xây dựng hạ tầng của công trình.

#### **4. Về khoa học, công nghệ trong phát triển năng lượng**

Trong kỳ báo cáo, tỉnh Bắc Kạn không ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường trong phát triển năng lượng. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp chủ yếu ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất như: Chuyển đổi các hoạt động quản lý thủ công bằng sổ sách, giấy tờ chuyển sang quản lý bằng hình thức điện tử; các hoạt động chưa tự động được chuyển thành tự động; các trạm biến áp từ cấp điện áp 110kV trở lên trên địa bàn tỉnh đã thực hiện công tác vận hành điều khiển từ xa (SCADA); các công tơ đo đếm điện ở thành phố và trung tâm 07/07 huyện đã thực hiện ghi chỉ số điện tiêu thụ từ xa.

#### **5. Về quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng**

Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về năng lượng trên địa bàn tỉnh; Phòng Kinh tế (thành phố Bắc Kạn), Phòng Kinh tế và Hạ tầng (07/07 huyện) là cơ quan chuyên môn tham mưu ở cấp huyện.

Số biên chế trực tiếp tham mưu về công tác quản lý nhà nước về năng lượng ở cấp tỉnh có mặt là 09/10 công chức (thuộc Phòng An toàn năng lượng và Phòng Quản lý thương mại của Sở Công Thương), được đào tạo đúng chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu; ở cấp huyện phân công 01 công chức trực tiếp thực hiện, tuy nhiên chưa có trình độ chuyên môn phù hợp.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện hằng năm<sup>12</sup>, với các vi phạm chủ yếu là xây

<sup>10</sup> Theo Công văn số 1386/UBND-GTCNXD ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc bổ sung nội dung báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng.

<sup>11</sup> Theo báo cáo của Quỹ phát triển đất, rừng và bảo vệ môi trường, hiện nay còn Công ty Cổ phần Sông Đà Bắc Kạn chưa nộp tiền trồng rừng thay thế cho Dự án thủy điện Thác Giềng 1 và 2 với số tiền 470.942.625 đồng, tương đương diện tích 7,13 ha.

<sup>12</sup> Giai đoạn 2016 - 2021 đã tổ chức 23 cuộc thanh, kiểm tra, trong đó: Kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện, tiết kiệm điện và giá bán điện: 06 cuộc; kiểm tra công tác bảo vệ hành lang an toàn lưới điện cao áp: 07 cuộc; kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh dầu mỏ hóa lỏng (LPG): 04 cuộc;

dựng công trình, nhà ở trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; chặt đổ cây vào đường dây ảnh hưởng đến việc cung cấp điện; chưa thực hiện báo cáo, lập kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo quy định; giấy chứng nhận bán hàng, giấy chứng nhận tập huấn PCCC của nhân viên trong lĩnh vực kinh doanh, bán lẻ xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng hết hạn; kinh doanh ga chai của các thương nhân ngoài hợp đồng đã ký kết... Năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất và môi trường tại 02 dự án thủy điện (*Pác Cáp và Thác Giềng 1*) trong quá trình đầu tư xây dựng và xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 37 triệu đồng.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2016-2021**

#### **1. Kết quả đạt được**

Giai đoạn 2016-2021, cấp ủy, chính quyền tỉnh Bắc Kạn đã bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về phát triển năng lượng để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời; quản lý công tác phát triển năng lượng theo quy hoạch được phê duyệt; các cơ quan chức năng của tỉnh và chính quyền địa phương các huyện, các xã đã chủ động nắm tình hình chấp hành các quy định về quy hoạch, xây dựng và vận hành các dự án phát triển năng lượng trên địa bàn và phối hợp giải quyết những khó khăn vướng mắc của nhân dân; thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm, chấn chỉnh các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật.

#### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Một số cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực năng lượng (*công nghệ hiện đại tiết kiệm năng lượng*), năng lượng tái tạo chưa được ban hành hoặc đã được ban hành nhưng chưa đầy đủ nên chưa thu hút được nguồn lực đầu tư từ xã hội và của cộng đồng doanh nghiệp<sup>13</sup>.

- Một số văn bản quy phạm pháp luật có căn cứ pháp lý ban hành đã hết hiệu lực nhưng chưa được rà soát sửa đổi, bổ sung, có quy định chưa phù hợp thực tiễn, có hoạt động chưa ban hành quy định quản lý kịp thời (*Chi tiết tại Phụ lục VI*).

---

kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh và bán lẻ xăng dầu: 06 cuộc.

<sup>13</sup> Chính phủ đã ban hành các cơ chế khuyến khích tạo động lực thu hút nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp vào phát triển năng lượng tái tạo như: Quyết định 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017, Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định các dự án điện mặt trời nổi lưới vận hành thương mại từ ngày 01/7/2019 đến hết ngày 31/12/2020 có giá 1.783 đồng tương đương 7,69 UScent/kWh đối với dự án điện mặt trời nổi, giá 1.644 đồng tương đương 7,09 UScent/kWh đối với dự án điện mặt trời mặt đất, giá 1.943 đồng tương đương 8,38 UScent/kWh đối với hệ thống điện mặt trời mái nhà và sau ngày 31/12/2020 giá mua điện từ các dự án điện mặt trời nổi lưới sẽ được xác định thông qua cơ chế cạnh tranh. Tuy nhiên những chính sách này chưa có lộ trình xuyên suốt, liên tục làm giảm cam kết của nhà đầu tư khi triển khai các dự án theo quy hoạch.

- Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện các cơ chế chính sách pháp luật liên quan đến công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện có lúc chưa được thường xuyên; còn có dự án thủy điện triển khai chậm tiến độ, quản lý và vận hành khai thác chưa đảm bảo<sup>14</sup>; có dự án thủy điện chưa hoàn thành việc trồng rừng thay thế, chưa nộp đầy đủ tiền trồng rừng thay thế theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt<sup>15</sup>.

- Trong quá trình xây dựng và vận hành một số nhà máy thủy điện đã ảnh hưởng đến môi trường như: Thay đổi dòng chảy của sông suối, đất đá vùi lấp lòng sông, suối, hồ và đất trồng lúa, đất trồng màu của Nhân dân; nguồn thủy sản kém phong phú; xảy ra các sự cố về đường ống làm sạt lở đất của Nhân dân; một số nhà máy thủy điện khi đi vào hoạt động đã làm ngập úng thêm một số diện tích đất ngoài chỉ giới đất đã thu hồi (*Nhà máy thủy điện Pác Cáp; Nhà máy thủy điện Thác Giềng 1*), gây khó khăn cho việc giao thông (*Thủy điện Pác Cáp, thủy điện Tà Làng*) và lấy nước sản xuất, nuôi thủy sản của người dân<sup>16</sup>.

- Do quy mô cung cầu năng lượng trên địa bàn tỉnh không lớn, nên việc đầu tư phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh chưa đảm bảo theo quy hoạch được duyệt, chậm hơn so với tiến độ<sup>17</sup>; quy hoạch phát triển năng lượng được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tuy nhiên đến nay Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2045 (*Quy hoạch điện VIII*) và Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn chưa được phê duyệt nên chưa có cơ sở để triển khai các bước tiếp theo.

- Nguồn lực đầu tư hạ tầng năng lượng còn thiếu, chưa có đột phá trong thu hút nguồn lực ngoài ngân sách cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng năng lượng điện; chưa thu hút được vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; việc đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia trên địa bàn tỉnh theo Chương trình Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2016 - 2021 chưa đạt mục tiêu đề ra, do các Bộ, ngành trung ương chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện<sup>18</sup>.

- Hoạt động kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên; việc quản lý thực hiện giấy phép sau cấp phép còn hạn chế<sup>19</sup>; công tác phối hợp giữa

<sup>14</sup> Thủy điện Thác Giềng 1 và Thủy điện Thượng Ân chưa hoàn thành việc lắp đặt camera và các thiết bị quan trắc tự động để thực hiện việc quan trắc, giám sát trực tuyến mực nước hồ, lưu lượng phát điện của nhà máy, lưu lượng qua tràn, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu. Qua kiểm tra của Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh, vẫn còn tình trạng các hồ chứa chưa có bản đồ ngập lụt, chưa xây dựng quy trình bảo trì; Nhà máy thủy điện Thác Giềng 1 chưa có kho chứa chất thải nguy hại.

<sup>15</sup> Theo Công văn số 1386/UBND-GTCNXD ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc bổ sung nội dung báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng, hiện nay còn 1,60ha diện tích phải trồng rừng thay thế.

<sup>16</sup> Báo cáo số 79/BC-ĐĐBQH.

<sup>17</sup> Theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Kạn, năm 2021 đầu tư xây dựng trạm 110kV Thanh Bình và năm 2023 xây dựng trạm 110kV Na Rì nhưng đến nay chưa được thực hiện.

<sup>18</sup> Theo Thông báo số 81/TB-UBND ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn: Trên địa bàn tỉnh hiện còn 3.201 hộ dân chưa có điện, trong đó có 52 thôn “trắng” với tổng số 1.682 hộ dân chưa có điện.

<sup>19</sup> Báo cáo số 79/BC-ĐĐBQH.



chủ đầu tư các công trình thủy điện với Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và các cơ quan địa phương chưa được thực hiện chặt chẽ trong thông báo, cảnh báo lũ; trong bảo vệ hành lang an toàn lưới điện có lúc, có nơi chưa quyết liệt.

- Một số doanh nghiệp có quy mô sản xuất nhỏ, khó khăn về tài chính, nên chưa đầu tư trang thiết bị hiện đại, có hiệu suất sử dụng năng lượng cao; nguồn nhân lực thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả còn hạn chế cả về số lượng, trình độ và kinh nghiệm thực tiễn.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng trên địa bàn tỉnh còn thiếu, nhất là cấp huyện; công chức tham mưu về năng lượng của cơ quan chuyên môn chưa được đào tạo, tập huấn, cập nhật các kiến thức thường xuyên; cán bộ, công nhân viên của các đơn vị tham mưu thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực năng lượng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn.

## **IV. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Giải pháp**

- Phát triển các nguồn năng lượng theo hướng tăng cường khả năng tự chủ, đa dạng hóa, bảo đảm tính hiệu quả, tin cậy và bền vững, trong đó tăng cường phát triển năng lượng tái tạo là giải pháp quan trọng góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

- Phát triển hạ tầng năng lượng bền vững; cơ cấu lại các ngành tiêu thụ năng lượng song song với việc thực hiện chính sách, pháp luật về sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả.

- Có cơ chế, chính sách phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và khuyến khích xã hội hóa phát triển năng lượng.

- Thực thi chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường ngành năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương các cấp trong phát triển ngành năng lượng.

### **2. Kiến nghị**

#### **2.1. Quốc hội**

Đề nghị xem xét sửa đổi Luật Điện lực trong đó bổ sung các nội dung quy định về phát triển năng lượng tái tạo cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

#### **2.2. Chính phủ**

- Sớm phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*Quy hoạch điện VIII*) để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, thẩm quyền nghiên cứu tham mưu cho Chính phủ:

+ Sớm ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về các trạm sạc xe điện phù hợp với thực tế phát triển; ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực năng lượng (*năng lượng tái tạo*) phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn quốc tế, có xét đến các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia liên quan đến việc tái chế, sử dụng chất thải từ quá trình sản xuất năng lượng.

+ Xem xét, sửa đổi yêu cầu đánh giá tác động môi trường đối với các dự án năng lượng tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 theo hướng: Có hạn mức cụ thể đối với các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa. Đặc biệt các công trình đường dây và trạm biến áp trung hạ thế có diện tích đất sử dụng lâu dài nhỏ, chất thải phát sinh chủ yếu trong quá trình thi công.

+ Xem xét nghiên cứu sửa đổi quy định về trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện di chuyển các công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP theo hướng: Kinh phí dịch chuyển, xây dựng các công trình thiết yếu (*cột điện*) đã được phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do chủ đầu tư tiến hành việc nâng cấp, cải tạo công trình giao thông bố trí kinh phí thực hiện.

+ Bố trí nguồn vốn từ ngân sách trung ương thực hiện dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 để hoàn thành mục tiêu dự án tại Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 3131/QĐ-BCT ngày 27/7/2016 của Bộ Công Thương.

+ Theo phân loại đập, hồ chứa nước tại Điều 3 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định: Đập có chiều cao trên 15m là đập, hồ chứa nước lớn mà không phụ thuộc vào dung tích hồ chứa. Tuy nhiên, từ thực tiễn trên địa bàn tỉnh cho thấy, việc phân loại như vậy là chưa phù hợp. Thực tế có dự án thủy điện quy mô công suất (2,4MW), đập có chiều cao lên đến 18m, dung tích hồ chứa nhỏ (111.000m<sup>3</sup>), theo phân loại thuộc đập, hồ chứa nước lớn và sẽ phải thực hiện các quy trình rất chặt chẽ từ khâu thiết kế, quy trình vận hành, quy trình bảo dưỡng, phải lắp đặt các thiết bị quan trắc chuyên dùng... Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định trên cho phù hợp với thực tiễn.

### **2.3. Đối với Bộ Công Thương**

- Đề nghị Bộ rà soát, đối chiếu các quy định tại Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 của Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu

tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện và Thông tư 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương để sửa đổi, bổ sung kịp thời, phù hợp<sup>20</sup>.

- Sớm xây dựng, trình Chính phủ ban hành cơ chế chính sách để thu hút, huy động nguồn lực xã hội tham gia đầu tư vào các dự án hạ tầng năng lượng theo mục a điểm 5 phần II Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước các cấp về lĩnh vực năng lượng.

#### **2.4. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Đề nghị Bộ tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định trong giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án thủy điện do Bộ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt trong quá trình thi công xây dựng (công tác đổ đất đá thải, đắp đập ngăn dòng, nạo vét dòng chảy, duy trì dòng chảy tối thiểu...).

#### **2.5. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tại Báo cáo số 79/BC-ĐĐBQH ngày 21/11/2022 về kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn:

+ Nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá đầy đủ về tiềm năng nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

+ Tham mưu kiện toàn lại thành viên Ban Chỉ đạo bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp tại Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương các cấp:

+ Phối hợp kiểm tra và đôn đốc chủ đầu tư các dự án thủy điện hoàn thành việc trồng rừng thay thế và nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định.

<sup>20</sup> Chi tiết tại Phụ lục VI.

+ Tăng cường phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ hành lang an toàn lưới điện; kiên quyết xử lý đối với các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đơn vị: Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Phục vụ hoạt động giám sát (VPQH);
- Các sở: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư;
- Công ty Điện lực Bắc Kạn;
- Thành viên Đoàn giám sát (theo Quyết định số 02/QĐ-ĐDBQH ngày 24/02/2023 của Đoàn DBQH tỉnh);
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTQH, CTHĐ;
- Lưu: VT, HSCV (Tuyên-01 bản).

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
KT. TRƯỞNG ĐOÀN  
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



**Hồ Thị Kim Ngân**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 09/BC-ĐDBQH ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn)*

<b>TT</b>	<b>Loại văn bản</b>	<b>Thời gian ban hành</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>
1	Kế hoạch số 187-KH/TU	15/5/2020	Tỉnh ủy Bắc Kạn	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh
2	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND	06/11/2016	Hội đồng nhân dân tỉnh	Về việc thông qua Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035
3	Quyết định số 746/QĐ-UBND	26/5/2016	Ủy ban nhân dân tỉnh	Phê duyệt Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2016-2020
4	Quyết định số 2128/QĐ-UBND	18/12/2017	Ủy ban nhân dân tỉnh	Phê duyệt Hợp phần II - Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035
5	Quyết định số 1061/QĐ-UBND	27/6/2019	Ủy ban nhân dân tỉnh	Quy trình một cửa liên thông giữa Cơ quan nhà nước và Điện lực trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới trung áp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
6	Kế hoạch số 41/KH-UBND	21/01/2020	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2020 - 2030
7	Kế hoạch số 636/KH-UBND	05/11/2020	Ủy ban nhân dân tỉnh	Về triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2021 - 2025
8	Kế hoạch số 771/KH-UBND	24/12/2020	Ủy ban nhân dân tỉnh	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 187-KH/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

**Phụ lục II****DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số:09/BC-ĐDBQH ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn)

STT	Công trình	Xã	Huyện	Sông/ Suối	HT sông	Vĩ độ	Kinh độ	Flv (km2)	MND (m)	MNC (m)	MNH L (m)	Nlm (M W)
<b>I</b>	<b>Các dự án thủy điện có trong Quy hoạch tại Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn</b>											
1	Tà Làng	Đồng Phúc	Ba Bể	Sông Tà Làng	Năng	22018'25"	105043'25"	27,8	610	608	195	4,5
2	Thượng Ân	Thượng Ân	Ngân Sơn	Sông Tà Cáy	Khuổi Các	22030'40"	106000'30"	52	470	468	390	2,4
3	Nậm Cắt	Đôn Phong	Bạch Thông	Sông Nậm Cắt	Cầu	22012'35"	105047'20"	92,3	278	276	192	3,2
4	Thác Giềng 1	Xuất Hoá	TP. Bắc Kạn	Sông Cầu	Cầu	22008'20"	105051'50"	750	110	105	92,5	4,5
5	Thác Giềng 2	Hòa Mục	Chợ Mới	Sông Cầu	Cầu	22007'20''	105048'40''	860	93	92,5	85,23	4,0
6	Pác Cáp	Lương Thành (nay là Sơn Thành)	Na Rì	Na Rì	Na Rì	22013'29"	106009'18"	253	327	323	261	3,2
7	Sông Năng	Bành Trạch	Ba Bể	Sông Năng	Năng	22030'32"	105040'50"	934	210	207	170	5

Tổng cộng												26,8
<b>II</b>	<b>Dự án thủy điện được bổ sung năm 2018 theo Quyết định số 3566/QĐ-BCT ngày 03/10/2018 của Bộ Công Thương</b>											
1	Thủy điện Khuổi Nộc	Lương Thượng	Na Rì	Sông Bằng Giang	Kỳ Cùng	26016'56"	106004'06"	520	282,5	281,5	264	6,6
<b>III</b>	<b>Các Dự án thủy điện được bổ sung năm 2021 theo Quyết định số 781/QĐ-BCT ngày 04/3/2021 và Quyết định số 1021/QĐ-BCT ngày 29/3/2021 của Bộ Công Thương</b>											
1	Thủy điện Mỹ Thanh	Mỹ Thanh	Bạch Thông	Sông Cầu	Thái Bình	22009'11,55 "	105053'38,5 3"	610,2	124,5		109,92	5
2	Thủy điện Pác Nặm	Xã Bằng Thành, xã Xuân La và xã An Thắng	Pác Nặm	Sông Năng	Hồng	22038'44,97 "	105043'37,5 2"	214,1	256,5		226,78	6,5
3	Thủy điện Công Bằng	Công Bằng	Pác Nặm	Nậm Sai	Gâm	22036'32,0"	105035'46,0 "	30	540		345	4
4	Thủy điện Bộc Bó	Bộc Bó	Pác Nặm	Nậm Khẩu	Gâm	22037'35,5"	105041'20,8 "	42	385		270	3,4
5	Thủy điện Khuổi Nộc 2	Thượng Quan; Lương Thượng	Ngân Sơn Na Rì	Bắc Giang	Kỳ Cùng	22019'02,00 "	106004'35,0 0"	260	318		290	4,2
6	Thủy điện Kim Lư	Kim Lư	Na Rì	Bắc Giang	Kỳ Cùng	22013,32'00 "	106013'18,0 0"	1.500	227		215	9
7	Thủy điện Nậm Cát 2	Đôn Phong	Bạch Thông	Nậm Cát	Cầu	22012'51,00 "	105044'57,0 0"	32	565		320	6
8	Thủy điện Khuổi Thốc	Đôn Phong	Bạch Thông	Khuổi Thốc	Cầu	22012'54,04 "	105045'1,10 "	33,8	412		319	3

9	Thủy điện Sông cầu 2	Nông Hạ	Chợ Mới	Cầu	Cầu	2200'10,72"	105049'51,31"	945	80		70	5,2
10	Thủy điện Sông cầu 3	Quảng Chu	Chợ Mới	Cầu	Cầu	21050'53,88"	105049'10,58"	1.320	48		38	6,5
Tổng cộng											52,8	
<b>IV</b>	<b>Dự án điều chỉnh công suất nâng công suất</b>											
1	Thác Giềng 1	Xuất Hoá	TP. Bắc Kạn	Cầu	Cầu	22008'20"	105051'50"	750	106,5	105	93,6	5,5
2	Pác Cáp	Sơn Thành	Na Rì	Na Rì	Na Rì	22012'38"	106007'48"	540	246,5	245	242,5	6
Tổng cộng											11,5	



**Phụ lục III****DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐÃ ĐƯA VÀO VẬN HÀNH**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số:09/BC-ĐDBQH ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn)

TTT	Tên dự án	Căn cứ quy hoạch được duyệt	Quyết định chủ trương đầu tư/GCNDT	Tổng mức đầu tư được duyệt, nguồn vốn	Quy mô công suất (MW)	Văn bản thẩm định thiết kế cơ sở/TK kỹ thuật	Quyết định phê duyệt QTVH hồ chứa	Tiến độ thực hiện dự án	Dự án được cấp phép hoạt động, đưa vào vận hành
1	Thủy điện Tà Làng	Văn bản số 1770/BCN-NLDK ngày 23/4/2007 của Bộ Công nghiệp	GCNDT số 13101000003 cấp ngày 14/5/2007, ĐC lần 1 ngày 23/4/2009 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp	102,211 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	4,5	Văn bản số 62/BC-SCNKHCN ngày 14/8/2007	Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện	GPHĐ ĐL số 62/GP-ĐTĐL cấp ngày 24/08/2009 do Cục ĐTĐL, Bộ Công Thương cấp
2	Thủy điện Thượng Ân	Văn bản số 155/CV-NLDK ngày 11/01/2005 của Bộ Công nghiệp	GCNDT số 13101000002 cấp ngày 11/5/2010 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp	40,63 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	2,4	Văn bản số 28/SCNKH-ĐN ngày 24/4/2006	Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện	GPHĐ ĐL số 539/GP-SCT ngày 24/9/2010 do Sở Công Thương Bắc Kạn cấp
3	Thủy điện Nậm Cắt	Văn bản số 4910/BCN-NLDK ngày 29/8/2006 của Bộ Công nghiệp	GCNDT số 13101000001 cấp ngày 08/7/2007, ĐC lần 1 ngày 06/10/2009 do UBND tỉnh Bắc Kạn cấp	88,089 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	3,2	Văn bản số 90/BC-SCNKH ngày 23/10/2007	Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 09/7/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện	GPHĐ ĐL số 40/GPĐTĐL ngày 10/7/2012 do Cục ĐTĐL, Bộ Công Thương cấp

4	Thủy điện Thác Giềng 1	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 1637/QĐ-BCT ngày 22/6/2020 của Bộ Công Thương	QĐ CTĐT số 461/QĐ-UBND ngày 11/04/2017, điều chỉnh QĐ số 1329/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn	203,34 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	5,5	Văn bản số 335/KQTĐ-SCT ngày 22/5/2017 và Văn bản số 14/SCT-NL ngày 28/12/2017 của Sở Công Thương	Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện	GPHĐ ĐL số 27/GPĐTĐL ngày 02/02/2021 do Cục ĐTĐL, Bộ Công Thương cấp
5	Thủy điện Pác Cáp	Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Kạn và Quyết định số 2019/QĐ-BCT ngày 11/6/2018 của Bộ Công Thương	QĐ CTĐT số 96/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn	208,879 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu và vốn huy động	6,0	Văn bản số 11/SCT-NL ngày 06/6/2018 và Văn bản số 01/SCT-ATNL ngày 05/01/2019 của Sở Công Thương	Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn	Đã đưa vào vận hành phát điện	GPHĐ ĐL số 206/GPĐTĐL ngày 07/9/2021 do Cục ĐTĐL, Bộ Công Thương cấp

**Phụ lục IV****DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN ĐÃ ĐƯỢC CẤP CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ***(Ban hành kèm theo Báo cáo số:09/BC-ĐDBQH ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn)*

<b>TT T</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Công suất (MW)</b>	<b>Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)</b>	<b>Tiến độ đầu tư</b>	<b>Quyết định chủ trương đầu tư</b>
1	Thủy điện Công Bằng	4,0	122,831	- Từ tháng 01 - 12/2022 Hoàn thiện thủ tục khởi công xây dựng; - Tháng 12/2023 phát điện tổ máy 01; - Tháng 02/2024 phát điện tổ máy 2	2265/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
2	Thủy điện Pác Nặm	6,5	241,518	- Quý I – Quý III năm 2022 hoàn thiện thủ tục xây dựng. - Quý IV năm 2022 – Quý III năm 2024 xây dựng lắp đặt thiết bị; - Quý IV năm 2024 phát điện	2272/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
3	Thủy điện Mỹ Thanh	5,0	165,615	- Quý I – Quý III năm 2022 hoàn thiện thủ tục xây dựng. - Quý IV năm 2022 – Quý III năm 2024 xây dựng lắp đặt thiết bị; - Quý IV năm 2024 phát điện	2673/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
4	Thủy điện Khuổi Thốc	3,0	114,2	- Quý IV – Quý I năm 2022 hoàn thiện thủ tục xây dựng. - Quý II năm 2022 – Quý I năm 2024 xây dựng lắp đặt thiết bị; - Quý II năm 2024 phát điện	2669/QĐ-UBND ngày 31/12/2021

5	Thủy điện Nậm Cắt 2	6,0	185,723	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháng 01/2022 – tháng 3/2022 hoàn thiện thủ tục xây dựng.</li> <li>- Tháng 4 – 10/2022 xây dựng công trình..</li> <li>- Tháng 8/2023 phát điện tổ máy 1; tháng 10/2023 phát điện tổ máy 2</li> </ul>	2668/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
6	Thủy điện Kim Lư	9,0	382,934	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quý I-Quý IV năm 2022 Hoàn thiện thủ tục khởi công xây dựng;</li> <li>Quý I/2023 – Quý IV/ 2024 đưa nhà máy vào vận hành.</li> </ul>	2667/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
7	Thủy điện Khuổi Nộc 2	4,2	147	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháng 01 -03 /2022 hoàn thiện các thủ tục, khởi công xây dựng;</li> <li>- Tháng 4/2022 – 01/2024 xây dựng công trình và đưa vào vận hành.</li> </ul>	471/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
8	Thủy điện Khuổi Nộc	6,6	224,220	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quý III/2019 - Quý IV/2020 Hoàn thiện thủ đất đai, GPMB, môi trường, xây dựng;</li> <li>- Quý IV/2020 - Quý IV/ 2022 thực hiện các hạng mục công trình.</li> <li>- Quý I/2022 - Quý III/ 2023 hoàn thiện việc xây dựng và lắp đặt thiết bị.</li> <li>- Quý IV/ 2023 phát điện thương phẩm.</li> </ul>	181/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 (Mật)
9	Thủy điện Thác Giềng 2	4,0	349,15 (bao gồm cả Thác Giềng 1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quý I/2021 - Quý II/2022 khởi công xây dựng các hạng mục;</li> <li>- Quý III/2022 - Quý I/ 2023 hoàn thiện lắp đặt thiết bị và phát điện.</li> </ul>	1329/QĐ-UBND ngày 23/7/2020

**Phụ lục V****DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN CHẬM TIẾN ĐỘ**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số:09/BC-ĐDBQH ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn)

<b>TT</b>	<b>Tên dự án/Chủ đầu tư dự án</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Tiến độ đầu tư</b>	<b>Nguyên nhân chậm tiến độ</b>	<b>Kết quả giải quyết của cơ quan chức năng</b>
1	Dự án thủy điện Thác Giềng 2 - Công ty cổ phần Sông Đà Bắc Kạn là chủ đầu tư	xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Theo Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn: - Khởi công xây dựng các hạng mục công trình; - Ngăn sông vào quý I/2021 đến quý II/2022; - Hoàn thiện lắp đặt thiết bị và phát điện: quý III/2022 đến quý I/2023  Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay công trình chưa triển khai khởi công xây dựng.	- Do ảnh hưởng của dịch Covid -19 (do giãn cách) không tổ chức thống kê, kiểm đếm, tổ chức họp dân để đền bù GPMB và hoàn thiện các thủ tục pháp lý có liên quan. - Giá nguyên, nhiên liệu và giá nhập khẩu thiết bị tăng 1,5 lần so với giá hợp đồng đã ký kết.	- Hiện chủ đầu tư đang thuê chuyên gia tư vấn tính toán giải pháp về kết cấu công trình, đàm phán với nhà cung cấp thiết bị và tìm kiếm nguồn vốn tín dụng nhằm đáp ứng hiệu quả của dự án. - Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã chấp thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện đối với dự án.

2	Dự án thủy điện Khuổi Nộc - Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 1 là chủ đầu tư	xã Lương Thượng, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn: - Khởi công xây dựng các hạng mục công trình vào quý IV/2020 đến quý IV/2022 - Hoàn thiện đi vào khai thác phát điện: Quý IV/2023	Hiện còn 7,8ha diện tích đất thu hồi GPMB (giai đoạn 1) của 13/13 hộ dân không nhận tiền bồi thường, lý do chủ yếu là đơn giá thấp, đòi bồi thường đất bờ sông, hoang hóa không đủ điều kiện phê duyệt bồi thường, hỗ trợ theo quy định.	- Chủ đầu tư đã nỗ lực đến làm việc trực tiếp với các hộ dân và báo cáo, phối hợp chính quyền địa phương để tìm cách tháo gỡ. - Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã chấp thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện đối với dự án.
---	--	--	--	--	---

**Phụ lục VI**  
**MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH**  
**CHƯA PHÙ HỢP**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 09/BC-ĐDBQH ngày 15 tháng 3 năm 2023  
của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn)*

**1.** Đối với Thông tư số 43/2012/TT-BCT 27/12/2012 của Bộ Công thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện.

Các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn làm căn cứ pháp lý xây dựng Thông tư số 43/2012/TT-BCT 27/12/2012 của Bộ Công thương đã hết hiệu lực và có các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành đã sửa đổi, thay thế một số quy định tại thông tư, như: Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 có quy định về nguyên tắc, trình tự trong hoạt động quy hoạch đã thay thế các nội dung quy định tại Chương II, Thông tư 43/2012/TT-BCT; Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 07 năm 2019 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện đã bãi bỏ Chương IV Thông tư 43/2012/TT-BCT; Thông tư số 29/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Công Thương bãi bỏ khoản 6 Điều 24 Thông tư số 43/2012/TT-BCT.

**2.** Đối với Thông tư 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực.

Một số văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành đã điều chỉnh đến quy định của thông tư như: Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 đã tích hợp quy hoạch phát triển điện lực tỉnh vào quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia nên nhiều quy định Thông tư 43/2013/TT-BCT đã không còn phù hợp như Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 15, Điều 18, Điều 22, Điều 25; Thông tư số 24/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương về việc quy định một số nội dung về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng đã sửa đổi, bổ sung Điều 25, Điều 27 Thông tư số 43/2013/TT-BCT.

**3.** Theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định chủ đầu tư công trình sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây: “...Không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, kinh phí liên quan” và khoản 9 Điều 12 Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của

Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định: “*Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền mà không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển; chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng, di chuyển công trình thiết yếu*” là chưa phù hợp. Thực tế khi dự án đường giao thông được phê duyệt cải tạo, nâng cấp hoặc mở rộng, các công trình thiết yếu của ngành điện (*cột điện*) xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải di chuyển và ngành điện phải tự bố trí kinh phí thực hiện. Tuy nhiên, kinh phí được cấp cho Công ty Điện lực các tỉnh, thành phố hằng năm được phân bổ trong khoảng từ tháng 6 - tháng 8 của năm trước, do đó nếu phát sinh trường hợp phải di chuyển các công trình thiết yếu của ngành điện theo yêu cầu của ngành giao thông sẽ không kịp thời bố trí kinh phí, do thời gian thực hiện các trình tự thủ tục xin cấp bổ sung từ Tổng Công ty điện lực dài (*từ 6 đến 7 tháng*).

4. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có quy định: Các dự án năng lượng khi triển khai thực hiện trên đất rừng hoặc đất trồng lúa phải thực hiện đánh giá tác động môi trường là chưa hợp lý. Bởi lẽ, trên thực tế có nhiều công trình đường dây và trạm biến áp trung hạ thế có diện tích đất sử dụng rất nhỏ, chỉ có chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và được dọn dẹp hoàn trả ngay sau khi thi công, không ảnh hưởng đến môi trường.

5. Tại mục 1.2.5.12 Phụ lục I về phân cấp công trình xây dựng theo mức độ quan trọng hoặc quy mô công suất được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định: trạm cấp/sạc điện, pin điện thuộc công trình cấp III với mọi quy mô, ảnh hưởng an toàn cộng đồng, phải thẩm định nghiệm thu. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định về xây dựng các trạm sạc điện, pin điện, do đó chưa có cơ sở để thẩm định đối với các công trình này.